

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày: 06/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Bà Lê Thị Mai Loan

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Phú Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ra Pát Duẩn**; tên gọi khác: V; Giới tính: Nam; sinh ngày: 01/5/1999, tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: thôn P - C, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ Tu; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; số định danh cá nhân: 046099008318; con ông Ra Pát C (Lê Minh C1), con bà Lê Thị N (đã chết); vợ, con: chưa có; Tiền án: 02. Ngày 11/10/2019, bị Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 07 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 31/3/2022, bị Toà án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/10/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/10/2023; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

+ Bà Hồ Thị T, sinh năm: 2003, có mặt.

+ Ông Trương Việt T1 (L), sinh năm: 2003, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bào chữa cho bị cáo Ra Pát D: Ông Hồ Ngọc L1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị T và ông Trương Việt T1: Ông Trần Phước H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt.*

- *Người làm chứng:*

+ Bà Lê Thị C2, sinh năm: 1979, có mặt

+ Ông Ra Pát C3, sinh năm: 1987, có mặt.

+ Bà Hồ Thị Đ, sinh năm: 1987, có mặt.

+ Ông Đặng Văn T2, sinh năm: 1997, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 15/10/2023, Ra Pát D đi nhờ xe của ông Đặng Văn T2 đến nhà bà Lê Thị C2 tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế để ngủ lại. Đến nơi, D đi qua cửa nhà bếp (cửa chỉ khép lại mà không khóa cửa) rồi đi lên nhà trên, đến giường ngủ của ông Trương Việt T1 nằm ngủ. Khoảng 30 phút sau, D thấy chiếc điện thoại S1 Galaxy M32 (màu trắng, ốp lưng dẻo màu xanh lá cây, số IMEI 1: 359093386524245; số IMEI 2: 359768846524246; có gắn sim 0396071835) của ông T1 để trên đầu giường nên D nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại S đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. D lấy điện thoại Samsung bỏ vào túi quần bên trái của mình xong đi xuống nhà dưới, đến giường ngủ của bà Hồ Thị T, D thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi POCO C40 (màu xanh, số IMEI 1: 862598054802566; số IMEI 2: 862598054802574; có gắn sim 0866521435) của bà T để trên đầu giường, D tiếp tục lấy trộm chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần bên phải. Tiếp đó, D thấy một túi vải màu đen móc ở tường nhà phía cuối giường bà T đang ngủ nên đã lục soát và lấy số tiền 310.000 đồng của bà T bỏ bên trong túi.

Đến khoảng 05h00 phút cùng ngày, sau khi lấy được hai chiếc điện thoại và 310.000 đồng, Ra Pát D đi ra khỏi nhà bà C2 và đem các tài sản đã trộm cắp được một mình đi bộ đến nhà của ông Ra Pát C3 tại thôn A, xã H, huyện A. Khi đến nơi, D đi vào nhà ông C3 để vào phòng khách. Tại phòng khách, D lật nắp gấp quạt nước của quạt điều hòa rồi cất giấu điện thoại Xiaomi POCO C40 vào đó. Sau đó, D đi vào phòng ngủ của anh R Pát Đ T3, bỏ số tiền 310.000 đồng vào sau ốp lưng điện thoại Samsung Galaxy M32 đã trộm được, cất giấu vào trong tủ quần áo trong phòng anh T3, xong D nằm ngủ tại phòng anh T3.

Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, Công an xã H, huyện A mời Ra Pát D lên trụ sở làm việc. Quá trình làm việc D đã khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện A đã kết luận: 02 điện thoại di động bị trộm cắp vào ngày 15/10/2023 có giá trị 7.302.000 đồng, cụ thể:

+ 01 điện thoại di động SAMSUNG Glaxy M32, màu trắng, ốp lưng dẻo màu xanh lá cây, số IMEI 1: 359093386524245; số IMEI 2: 359768846524246; có gắn sim 0396071835, đã qua sử dụng, thời điểm ngày 15/10/2023 có giá trị: 5.400.000 đồng.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi POCO C40, màu xanh, số IMEI 1: 862598054802566; số IMEI 2: 862598054802574; có gắn sim 0866521435, đã qua sử dụng, thời điểm ngày 15/10/2023 có giá trị: 1.902.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSAL ngày 29/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Ra Pát D, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại vật chứng cho các chủ sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, do bị cáo thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn và tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm hoàn cảnh, nhân thân và điều kiện phạm tội của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù và xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ra Pát D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 15/10/2023, tại nhà bà Lê Thị C2 ở thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động S1 M32, trị giá 5.400.000 đồng của ông Trương Việt T1 và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi POCO C40, trị giá 1.902.000 đồng cùng số tiền 310.000 đồng của bà Hồ Thị T. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 7.612.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm mười hai ngàn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HSST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử bị cáo và đã áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo chưa được xoá án tích mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo D thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi nêu trên của Ra Pát Duẩn đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất, hành vi phạm tội và biện pháp chấp hành hình phạt: bị cáo D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi và lười lao động, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích, lần phạm tội này bị cáo phạm vào tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm; nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét, áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình thuộc hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động SAMSUNG Glaxy M32, màu trắng, ốp lưng dẻo màu xanh lá cây, số IMEI 1: 359093386524245; số IMEI 2: 359768846524246; có gắn sim 0396071835

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi POCO C40, màu xanh, số IMEI 1: 862598054802566; số IMEI 2: 862598054802574; có gắn sim 0866521435

+ Số tiền 310.000 đồng.

Tất cả những vật chứng trên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn và tại phiên toà bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Ra Pát D (V1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Ra P Duẩn 02 (Hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ: 16/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động SAMSUNG Glaxy M32, màu trắng, ốp lưng dẻo màu xanh lá cây, số IMEI 1: 359093386524245; số IMEI 2: 359768846524246; có gắn sim 0396071835; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi POCO C40, màu xanh, số IMEI 1: 862598054802566; số IMEI 2: 862598054802574; có gắn sim 0866521435; Số tiền 310.000 đồng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

